TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **207**/2022/HS-ST
Ngày: 22/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Yên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mùa A Phềnh**

Bà **Lò Thị Ánh Ngọc**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lường Văn Đoản** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Minh Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 175/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2022/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/HSST-QĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1999, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản M, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Con ông: Lường Văn T – Sinh năm 1973 và con bà: Lò Thị M – Sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/02/2022 đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* Bị hại: Bà Lò Thị V – Sinh năm 1963 – Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Xuân N – Sinh năm 1989 – Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

- Anh Lò Văn H – Sinh năm 1974 – Nơi cư trú: Bản M, xã Thanh H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 24/01/2022 Lường Văn T cầm theo 01 chiếc kìm sắt bằng kim loại có vỏ bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen bỏ vào túi quần bên phải, đi bộ từ bản M, xã T, huyện Đ rồi đi men theo bờ suối ra khu vực vườn bưởi của gia đình bà Lò Thị V ở bản H, xã T, huyện Đ với mục đích cắt trộm hàng rào bằng lưới B40 bao quanh vườn bưởi của gia đình bà V đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Tại khu vực hàng rào của vườn bưởi nhà bà V giáp với vườn bưởi của gia đình ông Lò Văn N, T đã dùng kìm cắt sắt cắt một đoạn lưới B40, loại 3,5 li, chiều cao 1,8 m, nặng 50 kg ở hàng rào sau đó cuộn lại và kéo cuộn lưới B40 cất giấu tại khu vực bờ suối rồi tiếp tục quay lại khu vực nhà kho giữa vườn bưởi thì thấy cửa kho không khóa. T đi vào bên trong nhà kho thấy 01 cuộn dây điện màu vàng nhãn hiệu Trần Phú loại 2x4,0 mm^2, dài 50 m, để phía bên trái của cửa kho và 07 gói đường vàng tinh khiết loại 1kg/gói để gần đó nên T đã dùng hai tay ôm 07 gói đường và cuộn dây điện đi men theo bờ suối, khi đến bờ suối Tùng thấy 01 bao tải xác rắn màu trắng nên lấy bao tải đó cho cuộn dây điện và 07 gói đường vào trong bao tải rồi mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 06 giờ ngày 25/01/2022, T mượn xe đạp của bà Lò Thị C ra khu vực bờ suối để chở cuộn lưới B40 đã trộm cắp trước đó đi bán tại quán thu mua phế liệu của anh Nguyễn Xuân N ở bản T, xã T, huyện Đ được 400.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ ngày 25/01/2022, T bán cuộn dây điện màu vàng nhãn hiệu Trần Phú cho ông Lò Văn H ở bản M, xã T, huyện Đ được 95.000 đồng.

Ngày 19/02/2022 bị hại bà Lò Thị V đã có đơn trình báo về việc bà bị trộm cắp tài sản. Đến ngày 22/02/2022 Lường Văn T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên bắt tạm giam.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 chiếc kìm bằng kim loại, dài 20 cm, vỏ bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen dài 13 cm, kìm đã cũ, qua sử dụng.

- 45 kg lưới thép B40 loại 3,5 li, chiều cao 1,8 m đã cũ, qua sử dụng.

- 50 m dây điện màu vàng nhãn hiệu Trần Phú, loại 2 x 4 mm^2 đã cũ, qua sử dụng.

Đối với 05 kg lưới thép B40 loại 3,5 li, chiều cao 1,8 m anh Nguyễn Xuân N mua của T anh đã bán cho cơ sở thu mua sắt vụn tại tỉnh Vĩnh Phúc và 07kg đường vàng tinh khiết Lường Văn T khai đã sử dụng hết nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Đối với số tiền 495.000 đồng T đã sử dụng vào việc mua ma túy để sử dụng và chi tiêu cá nhân hết nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Đối với vật chứng bao tài xác rắn màu trắng T dùng để đựng tài sản trộm cắp rồi mang bao tải về nhà cất giấu, sau đó T đã vứt bao tải đi nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Tại phiên tòa Bị cáo Lường Văn T một lần nữa khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án.

Qua quá trình điều tra xác minh ngoài hành vi trộm cắp vào ngày 24/01/2022 Bị cáo Lường Văn T còn có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình bà Lò Thị V vào các ngày 20/01/2022 và ngày 27/01/2022, cụ thể:

Khoảng 01 giờ ngày 20/01/2022, Lường Văn T đang ở nhà tại Bản M, xã T, huyện Đ thì lên cơn nghiện ma túy, không có tiền mua ma túy sử dụng nên T đã cầm theo 01 chiếc kìm cắt sắt cầm tay bằng kim loại, tay cầm của kìm được bọc bằng nhựa đỏ, đen, mục đích là đi trộm cắp tài sản. T đi men theo bờ suối từ bản M sang khu vực bản H, xã T, huyện Đ, đến khu vực vườn bưởi của gia đình bà Lò Thị V có hàng rào lưới thép B40. Tùng quan sát xung quanh, không có ai trông coi, cũng không có ai ở gần đó nên đã tiến đến hàng rào, khu vực giáp ruộng lúa, lấy kìm trong túi quần bên phải để cắt rào lưới B40. Sau khi cắt khoảng 02 tiếng thì T cắt được một đoạn lưới, rồi cuộn lại, vác lên vai đi theo đường bờ suối về nhà và cất cuộn lưới B40 phía sau nhà. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, T đi bộ ra nhà bà Lò Thị C hỏi mượn một chiếc xe đạp mini, màu sơn đỏ nói là đi có việc. Bà C đồng ý cho T mượn xe, T chở cuộn lưới B40 đi bán tại quán thu mua phế liệu của anh Nguyễn Xuân N. Khi cân được 15 kg, N trả cho T 120.000 đồng. Số tiền trên T đã mua ma túy sử dụng hết.

Khoảng 01 giờ ngày 27/01/2022 do không có tiền tiêu xài nên T tiếp tục cầm 01 chiếc kìm đi ra vườn bưởi đã trộm lúc trước dùng kìm cắt lưới B40 rồi cuộn lại vác về nhà, khoảng 06 giờ cùng ngày T đi ra mượn xe đạp mini của bà C rồi chở lưới B40 trộm được ra bán ở quán thu mua phế liệu tại bản T, xã T gặp anh N và anh N cùng T khiêng cuộn lưới B40 lên cân thì được 40kg, anh N đưa cho T số tiền 320.000 đồng T cầm lấy tiền rồi đi xuống bản X, xã T mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-ĐGTS ngày 21/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

Ngày 20/01/2022 tài sản trộm cắp gồm: 15 kg lưới thép B40, loại 3,5 li, chiều cao 1,8 m có giá trị 360.000 đồng.

Ngày 24/01/2022 tài sản trộm cắp gồm: 50 Kg lưới thép B40, loại 3,5 li, chiều cao 1,8 mét có giá trị là 1.200.000 đồng; 50 m dây điện màu vàng nhãn hiệu Trần Phú, loại 2 x 4,0 mm^2 có giá trị là 1.242.000 đồng; 07 túi đường vàng tinh khiết có giá trị là 147.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Lường Văn Tùng trộm cắp của bà Lò Thị Vinh vào ngày 24/01/2022 là 2.589.000 đồng.

Ngày 27/01/2022 tài sản trộm cắp gồm: 40 kg lưới thép B40, loại 3,5 li, chiều cao 1,8 m có giá trị 960.000 đồng.

Ngày 22/4/2022, Công an huyện Điện Biên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC đối với hành vi trộm cắp tài sản của Lường Văn T vào các ngày 20/01/2022 và ngày 27/01/2022 với hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 94/CT-VKSĐB ngày 11/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Lường Văn T về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 kìm sắt bằng kim loại dài 20 cm, vỏ bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen dài 13 cm, kìm đã cũ, qua sử dụng.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 495.000 đồng của bị cáo Lường Văn T do bị cáo phạm tội mà có (Chưa thu được).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo Lường Văn T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lường Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Sơ đồ hiện trường vụ án, Bản ảnh, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 24/01/2022 Lường Văn T cầm theo 01 chiếc kìm sắt bằng kim loại có vỏ bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen đã lén lút dịch chuyển tài sản của bị hại bà Lò Thị V gồm 50 kg hàng rào B40, loại 3,5 li, chiều cao 1,8 mét có giá trị là 1.200.000 đồng; 50 m dây điện màu vàng nhãn hiệu Trần Phú, loại 2 x 4,0 mm^2 có giá trị là 1.242.000 đồng; 07 túi đường vàng tinh khiết có giá trị là 147.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bị cáo trộm cắp là 2.589.000 đồng. Mục đích đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Hành vi chiếm đoạt đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Hành

vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;"

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lường Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Điện Biên nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Hành vi của bị cáo cần xử lý trước pháp luật để bị cáo lấy đó làm bài học cho mình đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[3.1] Tình tiết tăng nặng: Bản thân Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Bị cáo được gia đình nuôi và cho đi học đến lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Bị cáo sử dụng chất ma túy từ năm 2020 cho đến nay.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy Bị cáo là đối tượng nghiện ma tuý, nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với Bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ

quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng của vụ án: 01 kìm sắt bằng kim loại dài 20 cm, vỏ bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen dài 13 cm, kìm đã cũ, qua sử dụng là vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 45 kg lưới thép B40 loại 3,5 li, chiều cao 1,8 m đã cũ qua sử dụng và 50 m dây điện màu vàng nhãn hiệu Trần Phú, loại 2 x 4 mm^2 đã cũ qua sử dụng là vật chứng của vụ án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên trả lại cho bị hại bà Lò Thị V theo Quyết định xử lý vật chứng số 05A ngày 17/3/2022, Hội đồng xét xử xét thấy việc trả tài sản cho bị hại của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 495.000 đồng là tiền do Bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lò Thị V đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân N và ông Lò Văn Hi không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường. Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét về trách nhiệm dân sự.

[8] Các vấn đề khác:

Qua quá trình điều tra xác minh cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì ngoài lần trộm cắp tài sản ngày 24/01/2022 bị cáo còn có hai lần trộm cắp tài sản của bị hại vào các ngày 20/01/2022 và 27/01/2022. Giá trị tài sản thiệt hại vào ngày 20/01/2022 là 360.000 đồng và ngày 27/01/2022 là 960.000 đồng. Vì hai lần trộm cắp tài sản trên đều dưới 2.000.000 đồng nên không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Ngày 22/4/2022 Công an huyện Điện Biên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC đối với hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 20/01/2022 và 27/01/2022 của Lường Văn T, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Xuân N đã mua lưới B40 và ông Lò Văn H đã mua dây điện của T nhưng anh N và ông H không biết đó là tài sản T phạm tội mà có nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên không đặt vấn đề xử lý, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bà Lò Thị C đã cho T mượn xe đạp, bà C không biết T sử dụng xe để phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên không đặt vấn đề xử lý, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo khai sau khi bán được tài sản trộm cắp Bị cáo đã dùng số tiền đó để mua Heroine của một người đàn ông không quen biết tại khu vực bản X, xã T, huyện Đ và chi tiêu cá nhân hết. Do T không biết tên, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại bà Lò Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292/BLTTHS quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lường Văn T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt Bị cáo: **09** *(Chín)* **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (Ngày 22/02/2022).

2. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 kìm sắt bằng kim loại dài 20 cm, vỏ bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen dài 13 cm, kìm đã cũ, qua sử dụng. *(Vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/5/2022).*

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 495.000 đồng *(Bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* của bị cáo Lường Văn T do bị cáo phạm tội mà có (Chưa thu được).

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND huyện Điện Biên;
-VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yên